

Bản án số: 166/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/04/2021

V/v tranh chấp: **Ly hôn**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Như Hùng

2. Bà Hoàng Thị Xuân Hường

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 543/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về “**Tranh chấp ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXX-ST ngày 22/02/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/QĐST-HNGĐ ngày 29/03/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Mỹ Lê Q, sinh năm 1982; Nơi cư trú: Số 14, ngõ 129, đường N, phường T, quận T, Hà Nội - Có mặt tại phiên tòa

2. *Bị đơn:* Anh Vũ Hoàng C, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Số 14, ngõ 129, đường N, phường T, quận T, Hà Nội - Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Phạm Mỹ Lê Q trình bày:

Chị kết hôn với anh Vũ Hoàng C ngày 21/04/2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ nhất của anh chị. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh C ở số 14, ngõ 129, đường N, phường T, quận T, Hà Nội. Chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Cả hai đã cố gắng tìm cách khắc phục mâu

thuần, gia đình hai bên đã hòa giải, giúp đỡ nhưng không có kết quả. Tình trạng vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không có sự chia sẻ, thông cảm trong cuộc sống. Cũng từ năm 2016 đến nay, mặc dù vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng ly thân, không ai quan tâm đến ai. Tháng 01/2020, chị đã làm đơn xin ly hôn anh C đến Tòa án, được Tòa án hòa giải, chị đã rút đơn để vợ chồng về tiếp tục chung sống nhưng do tình trạng hôn nhân không được cải thiện nên chị phải tiếp tục làm xin ly hôn lần thứ hai. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung là Vũ Mỹ A - sinh ngày 11/07/2010 và Vũ Hà A - sinh ngày 07/08/2013. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nhân viên Công ty cổ phần K, thu nhập trung bình 6.000.000 đồng/ tháng. Nếu được nuôi con, chị và các con sẽ thuê nhà ở ổn định, lâu dài.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung:

Về động sản và bất động sản chung: Chị và anh C không có tài sản, nhà đất chung. Quá trình ở cùng gia đình anh C, chị cũng không có đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình chồng nên nay ly hôn, chị không có yêu cầu, đề nghị gì về tài sản.

Về nợ chung: Chị và anh C không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn là anh Vũ Hoàng C trình bày: Anh và chị Q kết hôn năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ nhất của anh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh tại số 14, ngõ 129, đường N, phường T, quận T, Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Q thay đổi tính cách, thường xuyên giữ thái độ im lặng, không trò chuyện, chia sẻ gì với anh. Bản thân anh đã cố gắng tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Q không có thiện chí. Anh đã nhờ hai bên gia đình, bạn bè giúp đỡ nhưng không có kết quả. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân.

Nay chị Q làm đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn vì mong muốn các con có một gia đình đầy đủ. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị Q trình bày. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm nghề làm kinh doanh tự do, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản, nhà đất chung: Anh xác nhận vợ chồng không có tài sản, nhà đất chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Vợ chồng không có khoản nợ chung nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Chị Q trình bày:* Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn anh C vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, từ đầu tháng 01/2021, chị đã thuê nhà ra ngoài ở, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau nên chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn để ổn định cuộc sống; Về con chung: Chị giữ nguyên nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; Trường hợp Tòa án giao cho mỗi người nuôi 01 con chung chị cũng nhất trí; Về tài sản chung, nhà đất chung và các khoản nợ chung, chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Thanh Xuân tham gia phiên tòa có quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:* Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân đã thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên, bị đơn theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Về thu thập tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu: Giấy chứng nhận kết hôn, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh của con chung, giấy chứng minh nhân dân, đơn trình bày nguyện vọng của con chung, các tài liệu xác nhận thu nhập, hợp đồng thuê nhà; Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ về tình trạng hôn nhân của nguyên, bị đơn tại tổ dân phố số 8, phường T và đại diện hai bên gia đình. Về tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật; Về chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thụ lý vụ án ngày 27/10/2020, ngày 22/02/2021, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Như vậy, Tòa án đã tuân thủ thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tổng đạt văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định của pháp luật; Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của thẩm phán, thư ký quy định tại điều 48, điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- *Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Xuân đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39,

khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 262 BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Mục 1.1 Khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Mỹ Lệ Q. Chị Q được ly hôn với anh Vũ Hoàng C; Về con chung: Giao con chung của anh chị là Vũ Mỹ A, sinh ngày 11/07/2010 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung là Vũ Hà A, sinh ngày 07/08/2013 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con và cùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; Về tài sản chung, nhà ở chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về án phí: Chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn - chị Phạm Mỹ Lệ Q có đơn xin ly hôn đối với anh Vũ Hoàng C (có địa chỉ cư trú: Số 14, ngõ 129, đường N, phường T, quận T, Hà Nội), căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- *Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:* Bị đơn - anh Vũ Hoàng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Chị Phạm Mỹ Lệ Q và anh Vũ Hoàng C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 59, quyền số 01 ngày 21/04/2010 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự đồng cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Bản thân anh C đã cố gắng hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng một bên là chị Q không chấp nhận, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Từ năm 2018 đến nay, anh chị sống ly thân.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Vũ Hoàng C không đồng ý ly hôn vì muốn níu kéo gia đình cho các con nhưng bản thân anh lại không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân. Từ tháng 01/2021, chị Q thuê nhà ở riêng, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau nên tình trạng vợ chồng của anh chị càng khó có điều kiện để hàn gắn. Chị Q vẫn giữ quan điểm kiên quyết xin ly hôn anh C.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận

thấy tình trạng hôn nhân của chị Q, anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giải quyết cho anh chị ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Mỹ A, sinh ngày 11/07/2010 và Vũ Hà A, sinh ngày 07/08/2013. Anh chị đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh, chị là chính đáng, thể hiện trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ đối với con cái. Tuy nhiên, xem xét điều kiện nuôi con của hai bên, Hội đồng xét xử thấy, nếu giao cả hai con chung cho chị Q hoặc anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đều không đảm bảo quyền lợi cho các cháu. Bản thân cháu Hà A còn nhỏ, có nguyện vọng được ở với mẹ nên giao cháu cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Mỹ A đã lớn, có thể giao cho anh C nuôi dưỡng, giáo dục để cả hai anh chị đều có thể thực hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Q và anh C đều không yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con, do đó tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh, chị đến có yêu cầu.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) chung: Anh chị thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh chị đều xác nhận không có khoản nợ chung nào nên không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 Khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Mục 1.1 Khoản 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/UBTVQH14:

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Mỹ Lệ Q đối với anh Vũ Hoàng C.

Chị Phạm Mỹ Lệ Q được ly hôn anh Vũ Hoàng C.

[2]. Về con chung:

- Giao con chung là Vũ Mỹ A - sinh ngày 11/07/2010 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

- Giao con chung là Vũ Hà A - sinh ngày 07/08/2013 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục

Chị Q, anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh, chị đến khi có yêu cầu.

Anh, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung (gồm động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung: Anh chị thống nhất xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[4]. Về án phí: Chị Phạm Mỹ Lệ Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Q đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000615 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Chị Q đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án sơ thẩm.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Thanh Xuân
- TAND T.P Hà Nội
- VKSND T.P Hà Nội
- Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân
- Lưu hồ sơ vụ án

Đỗ Thị Diệu Thúy